Ý nghĩ lễ hội Hùng Vương.

Dương Đình Khuê

Mồng mười tháng ba
Có đi giỗ tổ mới là người Nam.

Bằng câu ca dao đó, dân tộc Việt Nam xác nhận vua Hùng thuộc họ Hồng Bàng là tổ khai sáng nước ta.Nhưng những sự kiện tục truyền về thời Hồng Bàng phần nhiều hoang đường, vì đó là thời thượng cổ, chưa có chính sử. Mãi đến đời nhà Trần, có Lý Tế Xuyên và Trần Thế Pháp thu thập những chuyện cổ và chép vào những tác phẩm Việt điện u minh và Lĩnh nam trích quái, thực ra không có mấy giá trị lịch sử. Riêng về thời gian gán cho họ Hồng Bàng cũng đã khó tin rồi. Vì theo cổ truyền thì họ Hồng Bàng trị vì từ năm 2879 đến năm 258 trước Tây lịch, nghĩa là 2621 năm cho 20 vua gồm Kinh Dương Vương, Lạc Long Quân và 18 vua Hùng, nghĩa là trung bình mỗi vua trị vì những 130 năm. !

Tuy nhiên, cái quan trọng không phải là những sự kiện chép về đời Hồng Bàng có thực sự xẩy ra hay không, cái quan trọng đối với chúng ta là ý nghĩa của những sự kiện đó, nói lên những khía cạnh nào của nền văn hóa Việt tộc. Và trong bài này chúng tôi cố gắng nêu rõ vài ý nghĩa đó :

1/Thứ nhất là tính hào hùng của dân tộc Việt Nam, tự xưng là dòng dõi Rồng tiên. Vì cứ theo tục truyền thì vua Đế Minh là cháu ba đời của vua Thần Nông, đi tuần thú phương Nam đến núi Ngũ Lĩnh, gặp một nàng tiên lấy nhau đẻ ra con tên là Lộc Tục. Sau Đế Minh truyền ngôi lại cho con trưởng là Đế Nghi làm vua phương Bắc, và phong cho Lộc Tục làm vua phương Nam, xưng là Kinh Dương Vương, quốc hiệu là Xích Quỷ, năm Nhâm Tuất, tức là năm 2879 trước Tây Lịch. Rồi Kinh Dương Vương lấy con gái Động Đình Quân là Long nữ đẻ ra Sùng Lãm, nối ngôi làm vua xưng là Lạc Long Quân.

Cái tính hào hùng đó rất cần thiết cho chúng ta ngày nay, là dân ly hương, sống rải rác trên khắp năm châu, bên cạnh những dân tộc đẹp đẽ khỏe mạnh và thông minh như dân Pháp, dân Đức, dân Mỹ, v . v . Chúng ta rất cần có lòng tự tin đó để tránh khỏi lòng tự ty mặc cảm, và giữ vững niềm tin về tương lai sáng lạng của Việt tộc.

2/Thứ hai là sự thống nhất tuyệt vời của Việt tộc, mà các dân tộc khác như Pháp và nhất là Mỹ không hề có. Sử chép rằng Lạc Long Quân lấy con gái vua Đế Lai tên là Âu Cơ đẻ ra một bọc chứa 100 trứng nở ra 100 con trai. Lạc Long Quân bảo Âu Cơ rằng : "Ta là dòng dõi Long Quân, còn nàng là dòng dõi Thần tiên, ăn ở với nhau lâu không được, nay được 100 đứa con thì nàng đem 50 đứa lên núi, còn ta đưa 50 xuống biển Nam Hải."

Thực ra câu nói trên chỉ có nghĩa là tất cả người dân Việt đều do một bào thai mà ra, và chữ đồng bào áp dụng theo nghĩa đen cho người dân Việt. Còn sự phân chia 50 con lên núi theo mẹ, và 50 con xuống biển với cha, chỉ có ý nghĩa là dân tộc Việt gồm cả những người sống trên rừng núi, như Mường, Mán, Thổ, và những người sống ở dưới đồng bằng, gọi là người Kinh. Và dù là người Thượng hay người Kinh, cũng là đồng bào, chứ không có như dân Mỹ gồm những sắc dân Anglo-Saxons, Latin, Celtes, Da đỏ, v . v .

3/ Truyện Phù Đổng Thiên Vương.

Đời vua Hùng Vương thứ 6 có đám giặc gọi là giặc Ân, hung mạnh lắm, không ai đánh nổi. Vua mới sai sứ đi rao khắp trong nước để tìm người tài giỏi ra đánh giặc giúp nước. Bấy giờ ở làng Phù Đổng, thuộc tỉnh Bắc Ninh, có một đứa trẻ đã 3 tuổi mà còn chưa biết nói, cũng chưa biết đứng. Khi sứ của vua đến làng đó thì bà mẹ nói đùa với con rằng :

-Con thì tiếc không thể đi đánh giặc để đem lại giải thưởng của vua về cho mẹ được.

Nhưng kỳ diệu thay, đứa trẻ bỗng đứng dậy và nói :

-Mẹ đi gọi vương sứ về đây cho con.

Bà mẹ vừa kinh ngạc vừa sung sướng thấy con biết nói. Các bà láng giềng thấy sự lạ, đều chạy lại hỏi thăm và khuyên bà mẹ cứ đi mời sứ nhà vua tới nhà :

-Bà sợ gì ? Nếu con bà có nói khoác, thì cháu nó còn bé không có ai nỡ làm tội nó đâu.

Vương sứ tới nhà, và trông thấy đứa bé, bèn hỏi :

-Bé con, mày cho mời tao đến có chuyện gì ? Mày muốn gì ?

Đứa bé bèn đứng thẳng lên, và nói nghiêm trang :

-Xin quan lớn về triều và xin với Hoàng thượng cho đúc một con ngựa sắt, một cái nón sắt và một cây gươm sắt dài bẩy thước. Và xin Hoàng thượng chớ có lo lắng gì, tôi sẽ dẹp yên giặc.

Sứ giả kinh ngạc, và về triều tâu sự thể cho vua. Vua liền truyền lệnh cho các thợ rèn mau làm những thứ gì đứa bé đã đòi hỏi.

Trong khi đó, bà mẹ rất lo sợ. Nếu con mình nói khoát lác, thì sẽ bị tội gì ? Nhưng đứa con vội trấn an bà :

-Mẹ đừng có phiền lo. Cứ làm cơm cho con ăn no.

Vì đứa trẻ lớn trông thấy và có sức ăn vô cùng tận. Cha mẹ cậu bé cũng khá giả, nhưng cũng không đủ cơm gạo để nuôi con, phải xin hàng xóm giúp đỡ. Sau 2 tháng, vương sứ giả trở lại, mang đủ ngựa sắt, nón sắt và kiếm sắt. Đứa trẻ bèn vươn vai, trở thành một người khổng lồ cao 2 trượng, đội nón sắt, cầm kiếm, và nhẩy lên ngựa nói rằng :

-Ta là thiên tướng đây !

Con ngựa sắt bỗng hí lên một tiếng rất to, rồi phi đến núi Châu Sơn, nơi đồn trú của giặc Ân. Thiên tướng giết tan chúng và đuổi chúng đến tận chân núi Ninh Sóc, đến đó thì ngài giết chúng không còn sót một tên. Rồi, vỗ tay lên đầu ngựa, khiến ngựa phun ra lửa đốt cháy cả một khu rừng, ngài bay lên trời.

Câu chuyện Phù Đổng Thiên Vương này, ngoài lòng tin bất diệt về vận nước không thể bị bọn bạo tàn phá hủy được, còn chứng tỏ dân tộc Việt từ xưa vẫn đặt niềm tin vào thanh niên để cứu nước, những bậc anh hùng về sau như Trần Quốc Toản, Phạm Ngũ Lão, đều là những thanh niên sớm lập công danh.

4/Truyện Sơn Tinh, Thủy Tinh.

Tục truyền rằng vua Hùng Vương thứ 18 có người con gái tên là Mỵ Nương, nhan sắc tuyệt trần. Sơn Tinh và Thủy Tinh đều muốn hỏi làm vợ. Cả hai đều có pháp thuật cao cường : Sơn Tinh có thể tùy ý dời núi non, và Thủy Tinh thì gọi được gió, mưa.

Vua Hùng vừa khâm phục và bối rối, bèn nói :
-Hai khanh đều là bậc anh hùng, nhưng trẫm chỉ có một con gái. Vậy ngày mai hai khanh hãy trở lại đây với đồ sính lễ. Ai đến sớm nhất sẽ được công chúa.

Sáng hôm sau, ngay bình minh, Sơn Tinh đã tới cung vua với những con voi chở đầy vàng bạc và châu báu. Thần được chấp nhận và đem công chúa về núi.

Thủy tinh đến chậm với những báu vật mà thần đã lấy được ở dưới đáy biển và sông. Thấy Sơn Tinh đã mang công chúa về núi rồi, bèn nổi giận, đuổi

theo với đoàn thủy quái. Cuộc chiến đấu giữa hai thần được diễn tả như sau trong bộ Đại Nam quốc sử diễn ca :

Thủy Tinh lỡ bước chậm chân
Đùng đùng nổi giận đem ân làm thù
Mây tuôn gió thổi mịt mù,
Ào ào rừng nọ, ù ù núi kia.
Sơn thần hóa phép cũng ghê
Lưới giăng sông Nhị, phên che ngàn Đoài.
Núi cao sông cũng còn dài,
Năm năm báo oán, đời đời đánh ghen.

Câu truyện trên nói lên điều gì ? Ngoài việc cắt nghĩa nạn lụt hàng năm của sông Hồng, nó còn mang một ý nghĩa, một tâm lý, một xã hội. Nó chứng tỏ địa vị quan trọng của ái tình trong đời sống tình cảm của dân Việt. Vì tình yêu một người đàn bà, mà hai vị anh hùng đã không ngại gây chiến tranh tàn phá, cũng giống như truyện Hy Lạp Illiade tả trận chiến tranh thành Troie vì nàng Hélène.

Truyện Sơn Tinh, Thủy Tinh còn cho ta biết rằng từ thời tiền sử, dân ta đã có tục lệ nộp sính lễ cho nhà gái, trái với sử sách thường chép rằng tục lệ đó do người Hán đem lại cho dân ta.

5/Truyện trầu cau.

Dưới đời vua Hùng thứ 4, một tộc trưởng họ Cao có hai đứa con sinh đôi, giống nhay như hai giọt nước, đặt tên là Tân và Lang. Hai anh em rất yêu nhau. Đến khi 16 tuổi thì bị mồ côi, và được một người bạn của cha đem về nuôi. Cụ bạn có một người con gái tên là Xuân Phù, đẹp như tiên, Hai anh em Tân, Lang đều say mê nhan sắc nàng, còn nàng thì không biết nên yêu ai, vì hai anh em giống nhau quá, cả về hình thức tới đức hạnh. Sau nàng dùng một

kế : đến một bữa ăn nàng chỉ để có một đôi đũa. Người em là Lang bèn kính cẩn đưa cho anh là Tân. Do đó Xuân Phù biết ai là anh, nàng bèn thú thực với cha rằng nàng muốn kết hôn với Tân. Nhưng sau đám cưới thì Tân vui tình vợ chồng, hơi sao lãng tình anh em. Lang bèn quyết định ra đi, để khỏi âm thầm đau đớn. Chàng ra đi không mục đích, sau nhiều ngày tháng, chàng đến một bờ sông. Chàng ngã gục xuống vì quá mệt. Trời thương chàng quá đau khổ, và biến chàng thành một tảng đá vôi.

Ở nhà Tân rất kinh ngạc thấy thiếu mặt em. Rồi chàng hiểu quá muộn sự ra đi của em, bèn tự trách lòng ích kỷ của mình, và quyết ra đi tìm em để xin lỗi em. Chàng cũng đi theo con đường mà em đã đi, và cũng đến bờ sông. Chàng đứng tựa vào hòn đá là hóa thân của em, và khóc thảm thiết. Chàng khóc đến nỗi chết, và được biến thành cây cau.

Đến lượt Xuân Phù cũng ra đi để tìm chồng. Nàng cũng đến bờ sông đó, và mệt vì đói lả, nàng ngã xuống dưới gốc cây cau là hóa thân của chồng. Trong hơi thở cuối cùng, nàng ôm lấy cây, trút linh hồn, và biến thành cây trầu không, leo chung quanh cây cau.

Như vậy ba người đáng thương đó, vì tình anh em và tình vợ chồng đã tuẫn tiết. Trời đại từ bi, ban khen họ và cho họ thành thần. Họ bèn báo động cho dân làng gần đó để lập đền thờ. Tin tức này đến tai vua Hùng thứ tư. Nhà vua bèn ngự giá đến coi hòn đá, cây cau và cây trầu không, và bảo người bản xứ kể lại câu truyện.

-Các người nghĩ gì về câu chuyện này ? Vua phán hỏi quần thần.

Một vị lão thần bèn tâu :

-Tâu bệ hạ, thói tục thử xem hai người có cùng một dòng họ hay không, bằng cách trộn lẫn vài giọt máu của họ. Nếu máu trộn lẫn đều hòa thì biết rằng họ có họ hàng với nhau. Xin bệ hạ cho thử xem, bằng cách nghiền nát một quả cây này, một lá của cây leo, và một miếng bột của tảng đá này xem sao ?

Nhà vua y lệnh, và mọi người đều ngạc nhiên thấy ba vật nghiền nát bỗng hóa thành một mầu đỏ rất đẹp. Nhà vua quá thích ý còn muốn nếm thử và thấy có một vị thơm ấm.

Và từ đó dân Việt Nam có thủ tục nhai trầu, gồm có một miếng cau và một lá trầu không cuốn với một chút vôi đã tôi. Hơn thế nữa, miếng trầu sau đó đã trở thành yếu tố cần thiết trong việc nạp sính lễ để xin cưới hỏi.

6/Truyện bánh dầy và bánh chưng.

Vua Hùng thứ 6 có tới 22 con trai của nhiều bà vợ. Đến khi ngài già yếu, muốn chọn một người xứng đáng để nối ngôi vua, ngài bèn gọi tất cả các con đến gần và bảo :

-Vài ngày nữa sẽ đến Tết Nguyên Đán. Vậy mỗi con phải nộp một mâm cơm cúng. Ta sẽ truyền ngôi vua cho đứa nào dâng mâm cơm ngon lành nhất.

Các vị hoàng tử bèn sai người đi khắp nơi tìm kiếm những món ăn trân quý nhất, như gan rồng, chả phượng, nem công, v . v .. Riêng có ông hoàng Tiết Liêu, vì sớm mồ côi mẹ, nên không có tiền, vả lại ông cũng không ham muốn ngôi vua.

Nhưng một đêm, ông mơ thấy một vị thần đến bảo ông rằng :

-Không có gì quý hơn gạo nuôi sống con người,. Vậy hoàng tử chỉ cần làm bánh bằng gạo. Để tượng hình Trời, bánh sẽ có hình tròn. Để tượng hình đất, bánh sẽ có hình vuông. Bánh tròn gọi là bánh Dầy thì làm bằng gạo nếp nấu chin và nặn thành hình tròn. Còn bánh vuông gọi là Bánh Chưng cũng làm bằng gạo nếp, ỡ giữa có nhân đậu xanh, lấy lá chuối gói lại và đem nấu cho chín. Lá gói bánh biểu tượng sự săn sóc của cha mẹ đối với con cái, và nhân đậu biểu tượng những đức hạnh của tổ tiên truyền lại cho con cháu.

Tỉnh dậy, ông hoàng Tiết Liêu làm mâm cơm cúng theo đúng lời thần dạy. Và đến ngày Tết Nguyên Đán, trong số các mâm cơm cúng của các ông hoàng, mâm của Tiết Liêu tuy khiêm tốn nhất, nhưng lại được Đức Vua Hùng coi trọng nhất, vì ngài thấy ở người con này có đức tính quý báu nhất : là tri ân Trời, Đất và Tổ tiên.

Khỏi phải nói, truyện bánh Dầy, bánh Chưng này nêu lên một đức tính rất quý của Việt tộc, là biết tri ân Trời, Đất và Tổ tiên. Kẻ nào không còn nhớ nguồn gốc, đã ra khỏi Việt tộc.

7/Truyện Chử Đổng Tử.

Công chúa Tiên Dong, con vua Hùng thứ 3, có nhan sắc tuyệt vời nhưng tính nết lại lãng mạn quá đáng. Nàng từ chối tất cả các vương công thanh niên mà vua cha muốn nàng kết hôn với, và chỉ thích đi du lịch khắp nơi thắng cảnh của thiên nhiên. Vua cha không muốn trái ý nàng, nên cho nàng một đội thuyền để hộ vệ nàng đi du lịch.

Thời đó ở làng Chử Xá, tỉnh Hưng Yên, có một người đánh cá nghèo khó là Chử Cù Vân và con là Chử Đồng Tử. Vì bị cháy nhà nên họ chỉ còn lại có một cái khố, hai cha con thay nhau xử dụng. Đến khi lâm chung, Cù Vân bảo con rằng :

-Con giữ lại cái khố này sau khi cha chết.

Nhưng Chử Đồng Tử rất có hiếu hạnh, không nỡ chôn cha trần truồng nên đã quấn khố cho cha rồi mới đem chôn. Không còn gì để che thân, chàng chỉ có thể đi câu cá về đêm. Ban ngày thì dìm mình dưới nước, và bán cá cho những thuyền buôn đến đậu gần đó.

Một hôm công chúa Tiên Dong cùng đoàn tùy tùng đến đúng chỗ Chử Đồng Tử sinh sống. Sợ quá, chàng bèn chốn trong một bụi cây ở trên bờ sông,

và bới cát che kín mình mẩy. Công chúa thấy nơi đó yên vui, muốn tắm ở đó. Nàng kêu thể nữ căng màn chung quanh bụi cây, cởi quần áo và múc nước tắm. Kinh khủng biết bao khi nàng thấy hiện ra dưới đống cát một thanh niên trần truồng. Nàng bèn kêu lên :

-Ngươi là ai ? Và làm gì ở đây ?

-Thưa Cô nương, tôi là một tên chài lưới cùng khổ. Vì không có một tấm vải che thân, nên khi thấy quan thuyền tới, tôi phải núp ở đây. Xin cô nương tha tội cho tôi.

Công chúa vội mặc quần áo vào, rồi vứt cho thanh niên một tấm vải để chàng che thân, rồi hỏi chuyện chàng tỉ mỉ. Và sau khi suy nghĩ kỹ càng, nàng thở dài và nói :

-Ta muốn sống độc thân suốt đời, nhưng số trời lại định khác. Thôi đành tuân theo số mệnh.

Công chúa bèn gọi các thể nữ và quan hầu, kể cho họ nghe câu chuyện kỳ lạ, và cho họ biết quyết định của nàng là lấy Chử Đồng Tử.

Nhưng Chử vội lên tiếng cản ngăn :

-Thưa Công Chúa, tôi chỉ là một tên chài lưới nghèo khó, đâu dám lấy một vị công chúa cành vàng lá ngọc ?

-Đó là ý muốn của Trời. Vậy chàng chớ từ chối.

-Công chúa và lang quân thiên tuế !

Các thể nữ và quan hầu đều tung hô. Ngay tối hôm đó, hôn lễ được cử hành trọng thể.

Được tin này, nhà vua nổi giận :

-Tiên Dong tự ý lấy chồng bách tính. Ta không cho nó về triều nữa.

Vì vậy công chúa không dám về Triều. Và để nuôi sống những người tùy hành, nàng bán tất cả đồ nữ trang, tậu đất, rồi lập một thương khẩu ở ngay làng Chử Xá để buôn bán. Vì nàng khéo tính toán, thương khẩu này nhanh chóng được thịnh vượng, thuyền buôn ở khắp nơi trong nước Văn Lang và cả ở ngoại quốc cũng đến.

Một hôm, có một phú thương đến khuyên nàng cho người ra ngoại quốc buôn các hàng hóa hiếm có thì bán lại sẽ kiếm được nhiều lời hơn. Nàng bèn trao vàng cho Chử Đồng Tử để ra đi với người khách lạ. Nhưng khi đến đảo Quỳnh Viên, thì Chử được gặp một đạo sĩ nói rằng chàng có căn tiên. Chử bèn trao vàng cho người khách, và ở lại trên đảo để học Đạo. Một năm sau, người khách trở lại, và đem Chử Đồng Tử cùng về. Thầy đạo sĩ bèn cho chàng một cái nón và một cây gậy thần.

Về tới nhà, Chử bèn khuyên vợ tu Đạo. Cả hai vợ chồng đều hiểu ý nghĩa của cuộc đời, bỏ buôn bán và tìm một nơi ẩn dật để tu luyện. Đến tối, họ mệt mỏi, Chử bèn cắm gậy và nón thần trên đất. Tức thì một tỉnh thành xuất hiện, đầy lính tráng và dân cư.

Vua Hùng được tin đó, tưởng con gái chiếm đất làm giặc. Vua bèn phái một đạo quân tới triệt hạ. Dân chúng trong thành xin với công chúa cho chống cự lại, nhưng công chúa từ chối :

-Không, ta không cần chống giữ thành này, nó chỉ là biểu hiệu của ý Trời. Vả lại, con cái không được chống lại cha bao giờ.

Quân đội của vua đêm đó đến cắm trại ở bên kia sông, tính hôm sau sẽ xua quân qua sông tấn công thành của công chúa. Nhưng đến nửa đêm thì đột nhiên nổi lên một cơn giông thổi bay cả thành trì lên Trời. Và đến sáng chỉ còn thấy một bãi cát bên cạnh một cái đầm. Vì đó bãi cát sau có tên là bãi Tự Nhiên, và đầm nước gọi là đầm Nhất Dạ.

Câu truyện mang lại những ý nghĩa gì ?

Trước hết là đề cao lòng hiếu. Thứ hai là tỏ rõ dân Việt vốn tin ở ý Trời, có khi được biểu lộ bằng những biến cố bất ngờ. Và thứ ba là mặc dầu học cách xử thế của Khổng giáo, Việt tộc có nhiều khuynh hướng nghiêng về Lão giáo, thích những truyện thần tiên sống ngoài vòng cương tỏa của lễ nghi xã hội.

8/ Truyện quả dưa đỏ.

Vua Hùng thứ 18 có một con nuôi là An Tiêm, rất thông minh, nên ngài rất yêu thương. Khi An Tiêm lớn lên, chàng giúp vua cha nhiều công việc, nên được vua phong làm tổng đốc một quận lớn. Chàng khéo trị dân, lại biết khai thác các hoang địa, nên quận của chàng trở nên rất phong phú, và nhà chàng đầy của quý. Chàng thường bảo những người khen chàng là được vua ban ân. Nhưng chàng nói :

-Những của cải này là tài sản của ta từ một kiếp trước.

Vì An Tiêm tin ở thuyết Tiền định. Chàng tin rằng vận mệnh của mỗi người đã có ghi sẵn trong quyển sổ ở Thiên cung, và họa phúc ở đời chỉ là kết quả của công việc đã làm trong tiền kiếp.

Lời nói vô ý của chàng bị những kẻ ghen ghét tâu lại cho nhà vua nghe. Vua bèn nổi giận, và truyền lệnh đầy An Tiêm cùng vợ con đến một đảo hoang ở Nam Hải, với lương thực chỉ đủ dùng trong 3 tháng thôi, để xem chàng còn sống được với cái tài sản của chàng ở tiền kiếp không?

An Tiêm chịu đựng tai vạ đó rất nhẫn nhục, chàng gia công làm lụng và thành công tự túc được lương thực, nhà cửa và y phục. Và chàng càng thêm tin tưởng vào thuyết định mệnh hơn bao giờ hết.

Một ngày kia, có những con chim bay từ phương Tây lại đánh rớt xuống đảo vài cái hột. Và những hột đó, gặp được đất tốt, thời tiết tốt, chẳng bao lâu mọc thành những cây giây lan đầy mặt đất, rồi trổ hoa vàng, và sinh ra trái có vỏ xanh và thịt trong lòng đỏ tươi, có nhiều nước và có hạt đen. An Tiêm nếm thử, và thấy rất ngon ngọt. Đó là quả dưa mà ngày nay được gọi là dưa hấu, nhưng An Tiêm đặt tên là quả Tây qua. Ông đem hột trồng rất nhiều trên đảo, và mỗi mùa thu hoạch, hái được rất nhiều quả. Ông chỉ lấy dùng cho gia đình một phần nhỏ, và số còn lại ông vứt xuống biển, sau khi đã ghi trên vỏ tên ông và địa thế phỏng chừng của đảo sản xuất những trái dưa Tây qua ấy.

Nhiều năm trôi qua, rồi có lái buôn người Tầu, sau khi đã vớt được quả dưa đỏ, tìm đến đảo. Họ hết sức kính phục sự can đảm của An Tiêm, sống trên hoang đảo mà tạo ra được một cơ nghiệp phồn thịnh. Họ mua tất cả kho dưa Tây qua của ông, và đánh đổi lại trao cho ông quần áo, đồ dùng nhật dụng như dao, búa, cưa, và đồ dùng trong nhà bếp như nồi, niêu, chén, bát.

Từ ngày đó trở đi, sự tiếp xúc giữa An Tiêm và thế giới bên ngoài được tái lập. Cứ mỗi năm có gió mùa là có rất nhiều thuyền tới đảo ông để trao đổi hàng hóa lấy Tây qua, và còn đem lại một số đông người nghèo, nghe nói đảo ông rất phồn thịnh, nên tới đó lập nghiệp.Cố nhiên là phải tôn ông làm chúa đảo. Với đám công nhân đó, ông mở rộng các trại nông nghiệp để trồng lúa, ngô, sắn và Tây qua. Ông lại còn tạo ra một đội hải thuyền quan trọng, khiến cho những đám hải tặc không dám bén mảng đến đảo. Nhân vùng biển quanh đảo có khá nhiều loại sò có hạt trai, An Tiêm sai một số thủy quân của ông chuyên môn làm việc vớt ngọc trai, đem bán đi, có thể mua đủ thứ cần dùng và cả xa sỉ nữa. Ông cho xây cất một tòa thành, rồi cung điện, trại lính, kho

đụn. Hoang đảo dần dần biến thành một nơi phồn thịnh hơn nhiều quận mà trước kia ông đã từng cai trị.

Tin tức phồn thịnh của đảo đã được truyền về đến tai vua Hùng. Không tin, nhà vua cử một phái bộ đến để điều tra hư thực. An Tiêm đón tiếp phái bộ rất lộng lẫy, và yêu cầu phái bộ đem về dâng vua lễ cống hiến cả một thuyền quả Tây qua và rất nhiều ngọc trai để tỏ lòng trung thành của ông.

Phái bộ trở về Triều, và tâu vua tất cả sự việc mắt thấy tai nghe trên đảo. Vua Hùng bèn than thở rằng :

-An Tiêm đã nói đúng , khi xưa nó bảo rằng những của trẫm ban cho nó là của cải của nó đã có trong tiền kiếp. Nay trẫm ban lệnh triệu hồi nó về triều, và sẽ trọng dụng nó.

Câu truyện An Tiêm có ý nghĩa gì ?

Có thể nó đã được người sau bịa đặt ra, vì thời vua Hùng đạo Phật chưa xâm nhập nước ta. Nhưng câu truyện đó cũng chứng tỏ rằng Việt tộc rất ham chuộng Phật giáo, và đặc biệt luật Nhân Quả, đã được nói lên trong bài kệ sau đây :

Dục tri tiền thế nhân
Kim sinh thọ giả thị
Dục tri lai thế quả
Kim sinh tác giả thị.

Dân tộc Việt, vốn từ xưa đã có sẵn niềm tin tưởng vào Thuyết Nhân Quả như vậy, không thể nào là một dân tộc phi nhân, vô thần như đám cộng sản Việt ngày nay.

Chúng ta cũng có thể nói thêm rằng, trước khi có hai hệ thống đại tín ngưỡng là Lão giáo và Phật giáo từ Tầu xâm nhập vào nước ta, thì Việt tộc đã có về Vũ trụ và ý nghĩa đời người một ý niệm rất cao thượng, cao hơn những mê tín dị đoan của nhiều dân tộc Âu Á khác. Đây là điểm son chắc chắn của nền văn hóa Việt tộc, xứng đáng là con Tiên, cháu Rồng.

Trên đây chúng tôi đã cố gắng nêu lên vài ý nghĩa của ngày hội giỗ tổ Hùng Vương, những ý nghĩa đó đã làm cho chúng ta tự hào là một dân tộc văn minh và thực sự độc lập, đầy tình người, đã không lệ thuộc vào Khổng học hẹp hòi và khô khan của người Tầu, cũng sẽ không lệ thuộc vào văn minh cơ khí và duy vật của Tây phương. Và mặc dầu là dân ly hương, chúng ta vẫn giữ vững nền văn hóa cổ truyền từ đời Hùng Vương, thì dù những bước thăng trầm của vận nước có mãnh liệt đến đâu, cuối cùng người làm thiện sẽ được thiện báo.

Arlington, VA. 1980